

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **317/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/9/2021.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Khắc Chung.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 245/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Phượng L**, sinh năm 1992, địa chỉ cư trú: ấp MT, xã MĐ, huyện P, tỉnh An Giang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Trương Ngọc T**, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: ấp MP, xã MĐ, huyện P, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: khóm 1, thị trấn X, huyện X, tỉnh An Giang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Phượng L trình bày như sau:**

Chị và anh Trương Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên cả hai quyết định sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T đã không còn tình cảm và không thể hàn gắn được nữa nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Khi chung sống, chị và anh T có một con chung tên Trương Thị Tường V, sinh ngày 03/11/2010. Từ khi ly thân đến nay, cháu V sống cùng với chị, khi ly hôn chị có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Trương Ngọc T trình bày ý kiến như sau:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất với chị L về việc anh chị tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống một thời gian thì anh chị phát sinh mâu thuẫn và quyết định sống ly thân với nhau đã lâu, ai cũng có cuộc sống riêng nhưng chưa thực hiện thủ tục ly hôn. Nay, chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất có một con chung tên Trương Thị Tường V, sinh ngày 03/11/2010. Hiện cháu V đang sống với mẹ. Anh đồng ý để chị L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến nguyện vọng của cháu Trương Thị Tường V về việc muốn sống với cha hay mẹ khi cha mẹ ly hôn, cháu V trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ L.

** Tại phiên tòa,*

- Nguyên đơn chị L, bị đơn anh T đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T; Về con chung: căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị giao cháu V cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Thị Phụng L khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết con chung với anh Trương Ngọc T, bị đơn anh T có nơi cư trú tại ấp MP, xã MĐ, huyện P, tỉnh An Giang nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*tranh chấp ly hôn, nuôi con*” và Tòa án nhân dân huyện P có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, chị L và anh T đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Phạm Thị Phượng L và anh Trương Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xét thấy hôn nhân giữa anh chị không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T là đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

[2.2] Về con chung:

Chị L và anh T thống nhất có một con chung tên Trương Thị Tường V, sinh ngày 03/11/2010. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay, cháu V đã sống ổn định với chị L, chị L có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh T đồng ý để chị L nuôi dưỡng con chung, đồng thời cháu V cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo về sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu V cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Căn cứ vào Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do anh T không phải là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Do đó, chị L và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Phượng L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003163 ngày 27/5/2021 mà chị L đã nộp nên chị L không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Phụng L và anh Trương Ngọc T.

- Về con chung: Giao cháu Trương Thị Tường V, sinh ngày 03/11/2010 cho chị Phạm Thị Phụng L được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Chị L và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phạm Thị Phụng L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003163 ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, chị L không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Phụng L và anh Trương Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. P;
- Chi cục THA DS H. P;
- UBND xã MĐ;
- Dương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Dương Thùy Dung